

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH
PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-PT
Ngày 16-3-2018
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 319/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc C, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 3/33/32/430 Đường A, phường Đ, quận E, Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Vân C1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 29 T3CT2 khu 5 tầng, phường F, quận E, Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 02 năm 2017 tại Văn phòng Công chứng G, Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 3/33/32/430 Đường A, phường Đ, quận E, Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tạ Ngọc B - Luật sư Công ty Luật TNHH L - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2016 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Ngọc C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 1989, có hai con chung. Đến năm 1998 đã ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Nhưng thực tế sau khi ly hôn thì ông bà vẫn chung sống với nhau, đến tháng 12 năm 2002 vợ chồng có mua một căn nhà có diện tích 36m², xây 3,5 tầng tại số 19C/26/430 Đường A (số cũ) nay là số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng. Nay do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà nêu trên. Ngoài ra vợ chồng còn một số tài sản chung khác như 01 sổ tiết kiệm trị giá 300 triệu đồng; số tiền mặt trị giá 70 triệu đồng; 01 xe máy 125cc nhãn hiệu POLK trị giá 10 triệu đồng; 01 xe máy Wave trị giá 6 triệu đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3 triệu đồng; 01 kệ gỗ và 01 tủ gỗ ba buồng trị giá 14 triệu đồng; 02 tivi LG 47inch trị giá 6 triệu đồng; 01 tủ lạnh trị giá 5 triệu đồng; 01 dàn karaoke và 04 loa trị giá 7 triệu đồng; 02 quạt cây và 01 quạt bàn trị giá 500.000đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản trên, chỉ còn yêu cầu chia tài sản là nhà đất tại số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng. Ông Bùi Ngọc C đề nghị Tòa án giải quyết để ông được quyền sở hữu nhà và sử dụng đất đối với nhà đất trên còn bà T sẽ được sử dụng toàn bộ các tài sản khác như ông đã kê khai.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì không đủ điều kiện khởi kiện bởi lẽ: Nguyên đơn chưa xác định được quan hệ tranh chấp là yêu cầu trả lại tài sản hay chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 123 ngày 16/7/1998 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xác định tài sản chung của ông C, bà T chưa chia là căn nhà số 01 ngõ 02 đường M, phường N, quận O, Hải Phòng chứ không phải căn nhà mà nguyên đơn có yêu cầu chia. Đề nghị Tòa án làm rõ bản chất của việc mua bán căn nhà nêu trên, ai là người mua căn nhà trên vì theo giấy biên nhận ngày 10/12/2002 thì người trực tiếp giao tiền để mua nhà là bà Nguyễn Thị T. Nguồn tiền mua nhà theo bà T cung cấp là của bà P là chị gái của bà T ở Canada gửi về để cho bà T mua

nhà. Sau khi mua nhà ông C làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân quận S, Hải Phòng có xác nhận của cán bộ Q. Đề nghị Tòa án triệu tập thêm ông R, bà P, ông Q.

Với nội dung trên tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã áp dụng Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 29, Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Ông Bùi Ngọc C được quyền sở hữu nhà và sử dụng đất có diện tích 36m², xây dựng 3,5 tầng tại địa chỉ số 19C/26/430 Đường A (số cũ) nay là số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng số thửa 284, tờ bản đồ số 16 có các mặt tiếp giáp như sau: phía Bắc tiếp giáp sân chung, phía Đông tiếp giáp hộ ông V, phía Nam tiếp giáp hộ ông X, phía Tây tiếp giáp hộ ông Y.

Ông Bùi Ngọc C có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2017 bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm để làm rõ các vi phạm về tố tụng và xem xét, làm rõ quá trình tạo lập tài sản riêng của bị đơn để bác bỏ toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 các bên đương sự xuất trình cho Tòa án văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 với nội dung đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản. Nội dung thỏa thuận cụ thể:

Căn nhà số 3/33/32/430 Đường A, quận E, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T trị giá 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt căn nhà trên và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Bùi Ngọc C là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông Bùi Ngọc C có trách nhiệm chuyển hộ khẩu đi nơi khác và bàn giao lại toàn bộ các giấy tờ bản chính liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng nhà số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T có toàn quyền lập, đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 3/33/32/430 Đường A, E, Hải Phòng là tài sản riêng của

bà T và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự tự chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo về quan hệ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là chia tài sản chung sau khi ly hôn là chưa phù hợp vì đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải giải quyết là quan hệ tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 216 BLDS 2005 thì tài sản trên thuộc sở hữu chung theo phần, nên quan hệ tranh chấp giữa ông C và bà T là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là chưa phù hợp, vì vậy kháng cáo của bị đơn về áp dụng pháp luật của bản án sơ thẩm không đúng là có căn cứ, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung quan hệ tranh chấp.

Trước khi Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa các bên đương sự xuất trình cho Tòa án văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất thỏa thuận như nội dung văn

bản thỏa thuận đã gửi cho Tòa án. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo giá trị tương đương phần tài sản được chia.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ các điều 300, điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại quan hệ tranh chấp và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như phân tích trên.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận căn nhà số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng được mua vào năm 2002 là thời điểm ông bà đã ly hôn nên đây không phải là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác. Kháng cáo của bị đơn về áp dụng pháp luật của bản án sơ thẩm không đúng là có căn cứ, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung quan hệ tranh chấp, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản” theo quy định khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Xét sự thỏa thuận phân chia tài sản của ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T như sau:

[2] Bản án sơ thẩm nhận định căn nhà số 19C/26/430 Đường A (số cũ) nay là số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng là tài sản chung thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo văn bản thỏa thuận đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 và cùng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận phân chia tài

sản như sau: Bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt căn nhà số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Bùi Ngọc C là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị T có toàn quyền lập, đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 3/33/32/430 Đường A, E, Hải Phòng là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông Bùi Ngọc C có trách nhiệm chuyển hộ khẩu đi nơi khác và bàn giao lại toàn bộ các giấy tờ bản chính liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng nhà số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng cho bà Nguyễn Thị T. Các bên đương sự tự chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[4] Xét sự thỏa thuận phân chia tài sản của ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điều 300, khoản 2 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về án phí:

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên ông Bùi Ngọc C, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản chung được chia.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 216; Điều 224 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 209; Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015); Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTVQH12; khoản 2, khoản 5 Điều 29; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 81/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng: Xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản”.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 36m² xây 2,5 tầng số thửa 284, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ số 19C/26/430 Đường A (số cũ) nay là số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc tiếp giáp sân chung, phía Đông tiếp giáp hộ ông V, phía Nam tiếp giáp hộ ông X, phía tây tiếp giáp hộ ông Y. Bà Nguyễn Thị T có toàn quyền lập, đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 3/33/32/430 Đường A, E, Hải Phòng là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2 Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Bùi Ngọc C là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị T đã giao xong cho ông Bùi Ngọc C số tiền là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16 tháng 3 năm 2018.

2.3 Ông Bùi Ngọc C có trách nhiệm chuyển hộ khẩu đi nơi khác và bàn giao lại toàn bộ các giấy tờ bản chính liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng nhà số 3/33/32/430 Đường A, Đ, E, Hải Phòng cho bà Nguyễn Thị T.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Ngọc C phải nộp 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 22.820.000đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) tiềm tạm ứng án phí ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0014502 ngày 29 tháng 11 năm 2016. Trả lại cho ông Bùi Ngọc C số tiền tạm ứng án phí là 10.320.000đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 22.000.000đồng (Hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004732 ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Phương